

Tự Truyện  
Chủ đề: lính tàu bay  
Tác giả: Nguyễn Hữu Thiện

## MÂY XÁM LŨNG TRỜI



Đã hơn 17 năm kể từ ngày người viết rời bỏ căn cứ Không quân Pleiku. Tên tuổi của các cấp chỉ huy, của các chiến hữu, của bạn bè đôi khi cũng không còn được ghi nhớ trọn vẹn, nhưng hình ảnh thân thương của những ngày tháng cũ có lẽ không bao giờ mờ nhạt.

Nhân dịp sắp ra mắt tập san Lý Tưởng Úc Châu, xin được viết bài này như một sự hoài niệm về chốn xưa, không phải với mục đích tô son điểm phấn, mà chỉ để ghi lại buồn vui của hơn một ngàn ngày sống với những con người bình thường, rất bình thường, nhưng đã đem cuộc sống, đôi khi cả cái chết của mình, để góp phần tạo niềm tự hào cho những người chung sắc áo, màu cờ quân chủng, trong đó có người viết.

Đường vào Không Quân của tôi rất ngắn và bất chợt. Ngắn đến độ vào căn cứ Tân Sơn Nhất mà không phải qua cổng Phi Long. Bất chợt đến mức về trình diện Bộ Tư Lệnh mà chưa có được con Ròng trên túi áo!

Là một sinh viên có đôi chút “tinh thần phản chiến” cho hợp với thời trang, tôi chỉ lên đường nhập ngũ sau lệnh Tổng Động viên năm 1968. Vào những ngày cuối cùng ở đời Tăng Nhơn Phú tôi hò hững với các phái đoàn quân binh chủng đến để tuyển chọn người. Tôi chỉ làm đơn tình nguyện về Không Quân sau khi thằng bạn thân nhất quyết định về làm quân cảnh gác cổng phi trường. Không Quân không có gì hấp dẫn đối với tôi nhưng cô em gái xinh đẹp của hắn thì tôi lại không muốn xa.

Hai ngày sau, những chiếc xe GMC màu xanh đưa chúng tôi về Bộ Tư Lệnh qua cổng Phi Hùng! Khi bóc thăm về đơn vị, tôi bóc phải cái thăm duy nhất có chữ Pleiku...

Căn cứ Không quân Pleiku, tức căn cứ 92 – vào thời gian mà ông Phùng Ngọc Ân bàn giao lại cho ông Đỗ Trang Phúc – là căn cứ nhỏ bé nhất của Không Quân Việt Nam.

Quân số lèo tèo hơn 200 chàng “trấn thủ lưu đồn”. Chu vi nếu không kể đài Kiểm Báo trên đồi thì chỉ độ một cây số. Cảnh vật ở đây tiêu tụy chẳng thua kém gì con người, khí hậu khắc nghiệt quanh năm, mùa hè bụi đỏ, mùa mưa lầy lội. Cái tên của phi trường: Phi trường Cù Hanh, lại càng làm lòng người thêm ngao ngán, điểm son duy nhất có được là cái tên công ra vào của căn cứ: Công Phi Vân! Nhưng cái tên thơ mộng đó cũng không thể biến đổi được cuộc sống buồn tẻ và thiếu thốn ở đây.

Ngày ngày 2 buổi leo đồi, chiều chiều đón xe lam ra phố, phố Pleiku “đi dăm phút đã về chốn cũ” chỉ có vài quán cà phê và quán thịt cây Kim Phượng để lui tới, những người em “má đỏ môi hồng” cũng không được nhiều nhận là bao! Đã buồn tẻ lại thiếu thốn mọi bề, đến độ hàng Quân Tiếp Vụ cũng phải sang C2 của Lực lượng Đặc Biệt mua ké! Về giải trí thì lâu lâu đánh hơi được bên Pháo Binh hoặc Thiết Giáp có nhảy đầm liền qua vi vút, được cái, cả ông Trung tá Tuấn “râu ghi-đông” lẫn ông Đại tá Dung đều là người rộng lượng nên phe ta cũng được nhờ. May mắn nhất là những tay nào quen được cố vấn Mỹ thì mới có hy vọng vào Officer Club hoặc NCO Club của họ mà coi vũ sêch-xy!...

Ông chỉ huy trưởng căn cứ, Trung tá Đỗ Trang Phúc lại là người rất “réc-lô”, có người nói tại vì ông xuất thân là một sĩ quan Nhảy Dù! Tôi được ông “thương” vì cả hai cùng chung sở thích: nghe nhạc. Một hôm ông hỏi tôi về dư luận trong binh sĩ, tôi trả lời úp mở thì ông cười nói nửa đùa nửa thật: Móa “réc-lô” thật đấy chứ! Cậu coi Pleiku là “tận cùng của Không Quân”, sĩ quan đa số là dân bất mãn hoặc bị “đi” còn lính tráng toàn là lính “ba gai”, không “hắc ám” thì làm sao mà trị các cậu được!

Trong số những người tôi cho là bị “đi” đó, có ông Trưởng phòng CTCT của tôi Thiếu tá Lê Bá Định! Không hiểu ông có bị “đi” thật hay không nhưng chắc chắn một điều ông bất mãn ra mặt: Ông vốn là dân khu trục mà lại bị đưa xuống đất, coi dăm ba mạng lính văn phòng, không bất mãn sao được! Rồi có lẽ vì sâu đời ông đâm ra lập dị (nên có người kêu ông là Định mát); dù tuổi đời chưa tới “băm lăm” ông bắt đầu chống ba toong và ngậm ống vó, trưa chiều ra sân đứng nhìn đăm đăm về hướng phi đạo hoặc ngược mắt theo dõi những chiếc OV-10 của Mỹ lên xuống...

Vào thời gian 68-69, phi trường Cù Hanh gần như là căn cứ không quân của Mỹ, đơn vị phi hành đồn trú thường xuyên duy nhất của ta là Biệt đội Trục thăng 215 Thần Tượng, có nhiệm vụ đổ Biệt Kích. Trong Không Quân có lẽ chỉ có 3 phi đoàn 213, 215 và 219 là nổi nhất trong cái nghề nguy hiểm này. Đổ xuống khó một, bốc về khó mười. An nguy của các chiến sĩ B14, B15 tùy thuộc một phần vào Biệt đội 215. Các ông hoa tiêu và xạ thủ phi hành của 215 trông rất ngẫu, áo quần lúc nào cũng đầy bụi đỏ, có người lại đeo dao găm Thượng... họ là những hình ảnh hiếm hoi đại diện cho những chàng phi công “hào hoa phong nhã” ở phố Pleiku, phố Kontum. Cái phù hiệu phi đoàn của họ cũng khác thường “Con voi làm xiệc” đầu đội nón đứng trên trái banh mà có người gọi đùa là “Con voi... ị”.

Về sau có thêm một biệt đội khu trục A1 từ Biên Hòa ra... và đó là tất cả “lực lượng tác chiến” của một căn cứ mà ngày xưa đã từng là tiền thân của Không đoàn 62, đã từng có những chỉ huy trưởng nay đã lên tướng, trong đó có cả ông Minh Cò!

\*\*\*\*\*

Năm 1970, khi tôi rời đơn vị để đi tu nghiệp mấy tháng trở về thì mọi sự đã thay đổi mau chóng không ngờ: Căn cứ 92 đã trở thành Không đoàn Yểm Cứ Pleiku, và quan trọng hơn, một đơn vị tác chiến vừa được thành lập: Không đoàn 72 Chiến thuật. Ông Bá làm Không đoàn Trưởng, ông Trang coi Liên đoàn Tác chiến với 4 phi đoàn: 530 Khu trục của ông Lê Bá Định, 118 Quan sát của ông Võ Ý, 229 và 235 Trực thăng của các ông Lê Văn Bút và ông Vĩnh Quốc, không khí Pleiku tưng bừng với những buổi lễ Xuất Quân, nhộn nhịp với quân số đã lên đến hàng ngàn...

Tôi bắt đầu làm quen với sinh hoạt của giới phi hành, một phần vì nghề nghiệp của một sĩ quan Báo chí, một phần vì tò mò muốn biết về cái sự bay bổng, đánh đấm của các vị mặc “áo liền quần” này. Từ đó tôi quen biết với những người của 530 như Lê Thanh Hoàng Dân, Phạm Văn Thặng, Lê Bình Liêu, Hiệp Vi-xi, Bạch Diễm Sơn, Long, Thanh “Ngô”(gọi như thế để phân biệt với ông Thiếu tá Liên đoàn Phó LĐTTC Lưu Đức Thanh, hỗn danh “Mắt trù”) và với ông Võ Ý bên 118, với các ông Bông, Quan, Dũng và Tuấn Râu bên 229, 235... thân thiết nhất là với bên 530, một phần vì ông Lê Bá định là sếp cũ, một phần vì Phạm Văn Thặng. Anh có chiều cao và thích thể thao, từ bóng rổ, bóng chuyền cho đến đá banh. Biết anh đã từng là thủ môn cho hội tuyển KQ Biên Hòa, tôi giới thiệu anh bắt gôn cho tiểu khu Pleiku. Khi lên đầu ở Ban Mê Thuật, ai cũng nói Phạm Văn Thặng là người... Thượng vì anh có thể còn đen hơn Đại tá Ya Bah, tỉnh trưởng Pleiku nữa, từ đó Phạm Văn Thặng có biệt hiệu “Thặng Fulro”. Sau khi phi đoàn đi Thái Lan lấy thêm A1 về tôi thấy mấy chiếc A1-E có hai chỗ ngồi liền gạ gãm anh cho đi theo một chuyến. Anh kiếm cho tôi một cái áo bay số nhỏ nhất, dạy cho cách xử dụng dù thoát hiểm. Đợi đến khi có một phi vụ “liên lạc” tôi lên xin phép ông Lê Bá Định. Sau chuyến đi Nha Trang trở về thấy tôi vẫn còn đủ sức để leo xuống đất, Phạm Văn Thặng lại hù: Nể cậu là dân văn phòng tôi bay êm, chứ gặp Thanh Ngô hay thằng Liêu bay, cậu ói tới mặt xanh, mặt vàng là cái chắc!... Sau đó mỗi lần thấy chiếc A1 nào tới 2/3 phi đạo đã vụt đâm thẳng lên trời, tôi biết ngay đó là Thanh Ngô. Nói về Thanh thì tôi cũng không hiểu sao dân khu trục lại đặt cho cái biệt hiệu “Ngô”! Sau khi Lê Thanh Hoàng Dân rời Pleiku thì có lẽ Thanh là người phương phi béo tốt và đẹp trai nhất phi đoàn! Trước đó hơn 1 năm, Thanh đã được mặc áo bay, đội helmet để chụp hình bìa cho Tập san Thế Giới của phòng Thông Tin Hoa Kỳ, trông chẳng thua gì tài tử xi-nê-ma! Hơn nữa Thanh bay và đánh rất lý, thế mà vẫn bị kêu là Thanh Ngô. Người duy nhất trong 530 mà tôi “được phép” coi ngang hàng là Lê Bình Liêu, thứ nhất lúc đó Liêu còn mang lon trung úy, thứ hai Liêu còn có tài uống rượu như Lệnh Hồ Xung, mà đã là bạn nhậu thì rất dễ thông cảm. Liêu có cái số “nhảy dù”: Hai lần trong một tháng mà vẫn bình yên vô sự!

Từ Phi đoàn 530 Khu Trục tôi mon men qua bên 118 Quan Sát làm quen với ông Võ Ý, ông Thiếu tá Phi đoàn Trưởng này nổi tiếng vì tài... làm thơ! (cái tên Huyền Miêu mà ông đặt cho Phi đoàn đã một phần chứng minh điều đó). Ông sống “độc thân tại chỗ” cho nên cái việc kiếm chỗ ăn cơm ngày hai bữa đã trở thành quan trọng, chính vì thế mà khi ông Lê Bá Định đem gia đình ra Pleiku thì tôi và ông Võ Ý thường đến “thăm thầy”, để vừa nói chuyện thơ văn vừa... ăn cơm tối! Ông Định, cũng là một nhà văn Không Quân, có lẽ không bao giờ biết đến cái sự thật phũ phàng đó, mà dù ông có biết ông cũng làm ngơ. Sau đó ông Định giới thiệu chúng tôi với nhà thơ Kim Tuấn, lúc đó đang ẩn dật ở Pleiku cùng với bà vợ trông nom một cửa tiệm bán áo lạnh. Bà vợ của nhà thơ thật hiền lành dễ thương nên tôi và ông Võ Ý lâu lâu cũng được ăn nhờ, ăn nhờ nhưng rất thịnh soạn...

Năm 1971, khi chương trình Việt Nam Hóa bắt đầu thì cũng là lúc tình hình vùng Tam Biên trở nên sôi động, Không quân Hoa Kỳ rút khỏi Pleiku chỉ để lại một ít gun-ship Cobra, ở căn cứ Holloway, ngoài ra những sự yểm trợ khác của họ, nếu có, đều từ căn cứ Chu Lai, từ Đệ Thất Hạm Đội hoặc Đệ Thất Không Lực bên Thái Lan... Sau mấy tháng đầu ổn định nơi ăn chốn ở và tiếp nhận quân số, KĐ72CT đã đụng cuộc thử lửa đầu tiên nơi Căn cứ 5 Hỏa Lực (Đội 1001). Trong trận này, Không lực Hoa Kỳ đã “nhường” hết cho phía Việt Nam, không hiểu vì muốn “thử” khả năng của Không Quân ta hay vì các cấp chỉ huy của họ không muốn đưa đàn em vào chỗ chết mà từ ngày đầu đến ngày cuối không hề thấy bóng dáng một phi cơ nào của họ. Hai người Mỹ duy nhất có mặt trên vùng trời là một cô vắn bên Quân đoàn II, và một ký giả dân sự của Tập san Time (Hoa Kỳ) và ngay trong trận đầu, KĐ72CT đã làm cho bạn bè thán phục và người Mỹ phải kinh ngạc. Phòng không ở đây thì khỏi phải nói, đủ loại, đủ cỡ, ở 9,000 bộ vắn bị như thường. Trần mây ở xứ “đất trời giao nhau” này thì quanh năm thấp thật là thấp, ở dưới nhìn lên, bên trên nhìn xuống cũng chỉ thấy một màu xám đục, thấy một lỗ hồng là vội nhào xuống ngay. Quân Dù có nhiều thương binh, trực thăng lên lỏi thả toán Quân Y xuống, không đủ phương tiện giải phẫu, trực thăng lại phải đáp xuống đưa hết thương binh về Quân Y viện.

Từ lúc đó cho tới khi chiếm lại Căn cứ 5, các chiến sĩ Dù biết mình không bao giờ cô đơn. Trước kia, họ đã từng được sự yểm trợ như vũ bão của Không lực Hoa Kỳ, nhưng lần này sự yểm trợ của Không Quân Việt Nam, ngoài hỏa lực ra nó còn có một cái gì không thể tìm thấy nơi những người đồng minh xa lạ: Đó là cái sống chết bên nhau của những người cùng chung màu da, chung dòng máu, chung bóng cờ. Thành thử khi ông ký giả Mỹ nói các phi công của ta “điên khùng” tôi không có ý kiến, đến khi ông ta gọi họ là “anh hùng” thì tôi khiêm nhượng đáp lại: Các phi công đó của chúng tôi chỉ làm nhiệm vụ của họ với một tinh thần trách nhiệm và với tất cả khả năng của mình, nếu ông gọi họ là anh hùng thì Không Quân Việt Nam chúng tôi là anh hùng hết sao? Ông ta không đồng ý và viết bài ca tụng trên báo Mỹ, coi đó như một thành công điển hình trong việc Việt Nam Hóa cuộc chiến... Cũng từ đó KĐ72CT gắn liền với những địa danh bất tử: Từ Căn cứ 5, Căn cứ 6, Tân Cảnh, Chu Pao, v.v. cho đến bên kia biên giới Kampuchia, Lào...

\*\*\*\*\*

Cũng vào năm 1971, sự bành trướng mau lẹ của Không lực Việt Nam để thay thế những người bạn Mỹ đã đưa đến cái rắc rối nhỏ: Hàng trăm sĩ quan trẻ sau khi tốt nghiệp hoa tiêu bên Mỹ về vẫn còn mang “con cá”(sinh viên sĩ quan). Bộ Tổng Tham Mưu đã lập luận như sau: Các SVSQ đó học quân sự giai đoạn 1 ở Quang Trung xong là về Không Quân học sinh ngữ rồi qua Mỹ học bay. Như vậy, dù có bằng hoa tiêu họ vẫn chưa trở thành “sĩ quan” vì chưa học qua quân sự giai đoạn 2. Dù không thể bắt các hoa tiêu này về lại Thủ Đức hoặc Nha Trang để học, Bộ Tổng Tham Mưu cũng ra một cái lệnh cứng nhắc là các SVSQ này phải học tại đơn vị, xong xuôi mới được mang lon. Có nghĩa là các hoa tiêu trẻ đó phải học về sinh hoạt lãnh đạo chỉ huy, về... chiến tranh chính trị và bắn súng... Colt-45. Riêng tại Pleiku không thôi cũng đã có hơn 50 hoa tiêu, từ nay, sáng thì theo thầy đi đánh giặc hoặc bay tập huấn, chiều về học “chữ” và bắn súng colt.

Lúc đó Phòng Huấn Luyện Pleiku thiếu người, thấy tôi lang thang suốt ngày liền “mượn” về phong cho chức Huấn luyện Viên dạy môn CTCT và Lãnh đạo Chỉ huy, cũng may là không bị dạy cả môn bắn súng! Ngày đầu tiên vào lớp học khi thấy Phương (mà tôi đã đi ké trực thăng vài lần) đứng lên trình trọng trình diện lớp học, tôi thấy bối rối một cách lạ lùng. Biết những “học viên” của mình mệt vì những giờ bay lúc ban sáng nhưng tôi cũng không thể để cho họ ngồi ngủ gật hoặc vừa hút thuốc vừa tán dóc. Sau đó tôi nghĩ ra được một giải pháp dung hòa: Tôi vẫn theo đúng chương trình của Bộ Tổng Tham Mưu, nhưng chỉ sơ lược đại khái trong vòng 15 phút, thời giờ còn lại tôi kể chuyện cho họ nghe. Có lẽ tôi có khiếu về kể chuyện hay sao đó, mà về sau không còn ai ngủ gật hoặc tán dóc nữa, về mục hút thuốc trong lớp thì chỉ còn hai tay ghiền không thể nhịn được: Hùng khu trực và một tay trực thăng trước là dân bên Biệt Kích. Dần dần họ gọi tôi bằng “thầy”, tuyệt nhiên không có ý châm chọc mà đầy tình thân có pha chút vui đùa.

Nhờ vào cái thế “thầy” này mà mỗi khi đi phép hoặc đi công tác tôi khỏi phải xuống Trạm Hàng không Quân sự chờ đợi nữa, buổi sáng cứ việc xuống 229 hoặc 235 là thế nào cũng có những phi vụ huấn luyện, liên lạc, hề trông thấy “học trò” của mình ngồi ghế Co-pilot tôi liền tiến lại cười câu tài là xong ngay. Một lần, cả thầy 4 chiếc UH1 cùng đi về Sài Gòn, có cả ông Bá và ông Bông, tôi ngồi trên tàu của ông Bông. Khi đáp xuống Sài Gòn, đếm đi đếm lại chỉ có 3 chiếc. Ông Bá không nói không rằng, đứng khoanh tay, mặt hầm hầm, nhưng tôi biết lòng ông đang lo cho an nguy của 2 hoa tiêu non trẻ. Ông Bông thì vừa vò đầu bứt tai vừa chửi thề: “Mẹ, thấy sông Đồng Nai thì phải biết là sắp đáp Sài Gòn rồi chứ. Cái sông Đồng Nai nó chình ình ra đó chứ có nhỏ tí xíu như sông Bé đâu mà không thấy!” Gần 1 tiếng đồng hồ sau, mới thấy những người đi lạc trở về từ căn cứ... Đồng Tâm-Mỹ Tho!

Phải họ còn non trẻ thiếu kinh nghiệm bay bổng nhưng cái can đảm khi đánh giặc họ có thừa. Bởi vì kinh nghiệm thì cần thời gian còn can đảm thì tiềm năng sẵn trong máu... Vào giữa khóa học, tôi bắt đầu kể chuyện Huyền Trân Công Chúa. Dĩ nhiên là tôi phải phịa, và dù lấy lý do “viện dẫn ngoại sử” tôi cũng không thể nào bào chữa cho cái tội “phạm thượng”, thêm mắm thêm muối vào chuyện tình của người xưa, cái người đã đem

lại 2 Châu Ô, Lý cho giang sơn nước Việt. Tới đoạn Công chúa và Chế Mân đi hưởng tuần trăng mật 6 tháng trong rừng trên lưng voi thì lớp học của tôi vắng thêm 2 người: Họ hy sinh trên chiến trường Tam Biên. Vào những ngày cuối cùng của khóa học, tôi thu dặt sẵn một kết cuộc ly kỳ cho chuyện tình Huyền Trân – Trần Khắc Chung, coi đó như một món quà chia tay với các học viên, nhất là cho anh chàng ngồi bàn đầu có khuôn mặt giống như con gái, thường hỏi thúc tôi kể chuyện. Tôi sẽ để cho Huyền Trân Công Chúa phải vào chùa tu theo lệnh của Vua cha, nhưng sau đó kiếm sĩ Trần Khắc Chung cũng gác kiếm vào chùa làm... sư bác giống như Bát Giới Hòa Thượng trong chuyện Tiểu ngạo Giang hồ vậy!

Hai ngày trước ngày mãn khóa, tôi đang vui vẻ bước vào lớp học thì bỗng ngạc nhiên vì cái sự im lặng bất bình thường. Rồi nhìn nét mặt rầu rầu của mọi người, tôi đã đoán được chuyện gì đã xảy ra sáng nay: Lại 1 người đã ra đi! Định thần lại, nhìn xuống cái bàn đầu, tôi thấy chàng trẻ tuổi giống như con gái đó đã vắng bóng: Người hoa tiêu đó, có lẽ là người cuối cùng hy sinh khi còn mang trên người đôi cánh bạc với cái “alpha”, vì 2 ngày nữa, tất cả sẽ được chính thức gắn lon thiếu úy! Và cái đoạn kết ly kỳ của chuyện tình Công Chúa Huyền Trân đã không bao giờ được kể, vì người thích nghe nhất đã không còn sống để mà nghe... Cuối cùng, dù sao đi nữa thì cũng nhờ làm HLV cho một trong những khóa học khác thường và vô ích nhất trong lịch sử quân đội đó mà tôi trở thành thân thiết hơn với những người của 530, 118, 229, 235...

Thấm thoát 1 năm trôi qua, Phi đoàn 530 ăn thôi nôi bằng một “Đêm Khu Trục” đáng ghi nhớ. Từ ông Kỳ, ông Minh Cò cho đến các ông Sư đoàn Trưởng, các ông Chỉ huy Trưởng không thiếu mặt ai, cả đến ông Từ Văn Bê cũng phải tạm rời cái “chùa” KTTV ở Biên Hòa để lên chung vui. Không phải tất cả các vị tướng tá đều xuất thân là dân khu trục, nhưng hình như Pleiku luôn được sự ưu ái đặc biệt, giống như một đứa con xa nhà, gửi thân nơi đèo heo hút gió. Còn nhớ mỗi lần về Bộ Tư Lệnh, hễ gặp ông Phùng Ngọc Ân thì bị chặn lại ngay: Sao em, Pleiku hồi này có vui không? Thậm chí đến ông Nguyễn Hồng Tuyên ở tận Sóc Trăng, lâu lâu có UH1 ở Pleiku về chơi cũng không quên tặng cho một tàu khô và mắm, gọi là quà cho người nơi xứ Thượng!!!... làm

Chính vì thế mà trong Đêm Khu Trục, có chứ không phải thường tài ca hát 530 mà quý vị đó đã xuất quỹ đơn rộng rãi: Tối thiểu là 50 xín, Tiên của SĐ5KQ 150 ngàn!...



vì sự ưu ái sẵn của Bạch Diễm Sơn vị để cho Pleiku một cách bảnh nhất là ông Phan Phụng

Sau Đêm Khu Trục, ông Kỳ ra Pleiku thường hơn, có khi ở lại cả tuần, có lẽ ông muốn tránh cái không khí “tiền bầu cử” ở Sài Gòn chăng? Cái ngày KĐ72CT được Đại tá Dung (Thiết Giáp) tặng cho 2 con bò đem ra nướng thì ông Kỳ cũng có mặt. Đang ăn thì có một F100 của Mỹ đánh ở Hạ Lào xin đáp khẩn cấp. Xe cứu hỏa chưa kịp chạy ra phi đạo thì

đã thấy chiếc F100 đâm bổ xuống với vận tốc khá mau và gãy bánh mũi. Trước khi phi cơ đâm vào ụ chắn cuối phi đạo và nổ tung, phi công đã kịp bấm nút phóng ghế ra, bị phóng về phía trước, dù chưa kịp mở thì người đã chạm đất. Mọi người chạy tới bàng hoàng nhìn xác người phi công Mỹ: Anh ta chết trong tư thế quỳ, mặt úp xuống đất, hai tay co lại chống xuống mặt phi đạo như một phản ứng chống đỡ cuối cùng... Trên trời chiếc F100 còn lại nhào xuống, lượn quanh ba vòng trước khi vĩnh biệt bạn bay về Thái Lan!... Trước cảnh đó, ai cũng như muốn khóc, ông Kỳ nhìn mọi người: Đấy, cuộc đời phi công nó như thế đấy, các cậu còn ham nữa không?...

Đối với những chiến sĩ của các quân, binh chủng khác, một khi xa nhà ra trận tuyến, những người thân phải chịu đựng những ngày tháng dài trong lo âu, hồi hộp đợi chờ, để rồi cuối cùng một ngày nào đó có thể nhận được tin dữ: Người ra đi sẽ không bao giờ trở lại. Với Không Quân, cái sự chờ đợi đó nó không đến trong một tháng, một tuần, một ngày mà chỉ trong một buổi, đôi khi chỉ trong một giờ ngắn ngủi. Cuộc sống sáng đi, chiều về, càng có vẻ an nhàn, điều độ, thì cái đau đớn vì một sự mất mát bất ngờ nó càng mang nặng chất bi thương. Và người yêu của Tuấn Râu, hơn ai hết, đã thấm thía được điều đó, khi nghe tin UH1 của Tuấn nổ tung trên vùng trời Kontum, trước đó một giờ, họ còn ngồi với nhau trong góc quán cà phê quen thuộc...

Vào đầu năm 1972, có một sĩ quan khác ra thay thế tôi trong chức vụ Sĩ quan Báo Chí, tôi đâm ra rảnh rỗi, suốt ngày la cà ở câu lạc bộ sĩ quan do Mỹ bàn giao lại. Lúc này Phạm Văn Thặng đã lên thiếu tá và rất ít khi đi đánh bi-da độ nữa mà chỉ ngồi uống cà phê, nghe nhạc hoặc tán dóc. Chúng tôi thích ngồi ở cái bàn gần cửa hông, để được nhìn xuống phi đạo, đồ dài về hướng căn cứ trực thăng Holloway của Hoa Kỳ... Hôm đó, tôi đang tán dóc với mấy cô chính huấn của Tiểu đoàn 20 CTCT thì Phạm Văn Thặng vào, chưa uống hết ly cà phê thì có điện thoại của Hiệp “vi xi” gọi về bay thế cho một hoa tiêu vắng mặt vì công chuyện gia đình. Không cự nự một tiếng, Phạm Văn Thặng vội vã trở về phi đoàn. Khi mấy cô chính huấn đã về, tôi đang chơi bi-da thì nghe tiếng xôn xao ngoài cửa, tiến ra, tôi thấy mọi người đang bu quanh một sĩ quan vừa từ phòng Hành Quân Chiến Cuộc lên, anh kể từng câu đứt quãng: Tàu của ông bị phòng không ở Kontum... Ông Hiệp bay đằng sau thấy cháy dữ dội... nói ông nhảy dù... Ông nói: Tàu còn đầy bom, để nó đâm xuống nhà dân đâu có được. Ông bay ra ngoài vòng đai tiểu khu rồi làm “cash” xuống ruộng, đụng mô đất, tàu nổ luôn!...

Nghe nói bay với ông Hiệp, tôi biết ngay người vừa rớt là Phạm Văn Thặng. Tôi lặng người đi trong giây lát trước khi chạy xuống Phi đoàn 530 để được nghe chính miệng Hiệp “vi xi” kể về chuyến bay định mệnh của Thặng “fulro”... Cuộc đời và cái chết của anh đã được các nhà văn, nhà báo viết lại như một bản huyền sử ca, cố Trung tá Phạm Văn Thặng được tôn vinh làm Anh Hùng của Quân Đội, v.v. Riêng trong tôi, hình ảnh của Phạm Văn Thặng vẫn là một Phạm Văn Thặng bình thường, rất bình thường. Như cái lần đi công tác gặp anh đứng xếp hàng chờ ở Trạm Hàng không Quân Sự, tôi hỏi: Tàu VIP, tàu liên lạc thiếu gì, sao ông không đi? Phạm Văn Thặng đáp: Cậu tưởng lên thiếu tá là làm cha thiên hạ sao, với lại moa đi phép chứ có phải đi công tác như cậu đâu mà đòi

ưu tiên! Có lẽ cái bông mai bạc không làm cho anh thay đổi, ra khỏi phi đoàn cũng đùa phá như trẻ con... Gọi Phạm Văn Thặng là anh hùng, tôi tự thấy cái yêu mến nể phục trong tôi nó bị ngưng ngập, tôi chỉ muốn nhớ đến anh như một con người đã sống xứng đáng và nay đáng cho mọi người thương tiếc, thế thôi!

\*\*\*\*\*

Tôi rời Pleiku vào mùa hè đỏ lửa, vài tuần lễ trước khi căn cứ không quân này trở thành một đại đơn vị: Sư đoàn 6 Không Quân.

Về Biên Hòa, tôi được Trung (530 cũ) kể lại cái chết của Thanh Ngổ ở sông Bé: Nó bị phòng không cũng chỉ vì cái tội lý, điếc không sợ súng! Khoảng nửa năm sau, gặp lại Phương, (trưởng lớp học quân sự ở Pleiku ngày xưa) tôi hỏi xem ai còn ai mất. Ngoài việc Hùng 530 hy sinh ở Chu Pao, Phương còn kể tôi nghe vụ ông Bút và anh em bên trực thăng cố đáp xuống cứu Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 22 Bộ Binh, trong cái đêm Tân Cảnh bị địch âm thầm tràn ngập. Xuống tới nơi, bị Việt cộng gài bẫy bắn cháy một tàu, ông Bút bị chúng nắm được cổ áo nhưng vùng thoát, chui khỏi hàng rào và leo lên được chiếc UH1 còn lại!

Cuối năm 1973, nhân dịp có phái đoàn Bộ Tư Lệnh và một số Sư đoàn Trưởng, Chỉ huy Trưởng đi thanh tra các đơn vị, tôi xin tháp tùng ông Từ Văn Bê, ra đến Pleiku tôi thấy sinh hoạt trong căn cứ có phần nhộn nhịp hơn ngày trước, các cấp chỉ huy cũ cũng đã đổi đi gần hết, còn lại chỉ có ông Lê Văn Bút nay là Trung tá Không đoàn Trưởng KĐ72CT – vị KĐT trẻ nhất trong Không Quân cũng như ngày trước, ông ta từng là Phi đoàn Trưởng trẻ nhất vậy. Bên bên trực thăng còn nhiều, nhưng bên khu trực thì hầu hết vắng bóng sau khi các phi cơ A1 bị đình động, nhường bầu trời cao nguyên cho các phản lực A37 vẫy vùng, gầm thét...

Trước khi ra Phù Cát, tôi trở lại câu lạc bộ, nay đã được đặt tên lại là Hội quán Phạm Văn Thặng. Tôi tìm lại cái bàn ngày xưa thường ngồi với Thặng nhưng đã có người chiếm: Họ là những hoa tiêu trẻ, cười nói ồn ào, vô tư như không cần biết đến ngày mai, cái ngày mà họ thành danh như Lê Văn Bút hay thành người hùng thiên cổ như một Thặng “Fulro”...

Phi cơ lấy cao độ, tôi nhìn lại phi trường Cù Hanh, liếc qua bên trái là Biển Hồ Pleiku, nơi chiếc A1 mà Lê Bình Liêu bay test vẫn còn nằm dưới đáy, quay qua bên phải, tôi thấy núi Hàm Rồng: Ngọn núi mà dân phi hành gọi bằng một cái tên khác, rất tục nhưng rất tượng hình, vì nó giống “cái đống”, giống một cách lạ kỳ!...

Mùa Xuân năm 1975, cùng với Quân đoàn II, SĐ6KQ được lệnh di tản chiến thuật về căn cứ KQ Phan Rang. Mặc dù chỉ có 48 giờ để chuẩn bị, SĐ6KQ cũng đã di tản rất “đẹp”. Nghe kể lại rằng, trước khi rời phi trường, anh em bên Phân đoàn Tháo Gỡ Đạn Dược và Liên đoàn Phòng Thủ còn đủ thời giờ gài chất nổ vào những phi cơ không đem đi được



và những cơ sở quan trọng, có lẽ lúc đó họ đã hiểu được rằng: Dù mang tiếng là “di tản chiến thuật” nhưng chắc chắn sẽ không có một ngày trở lại! Họ đã nghĩ đúng, công Phi Vân với mây xám lung trời, sau gần 15 năm xa cách, những người con yêu giờ đây vẫn còn hoài công ngóng đợi...

***Nguyễn Hữu Thiện***

*Đặc san Lý Tưởng Úc châu*



---

*Nguồn: Internet eMail by **cathy** chuyển*

*Đăng ngày Thứ Năm, March 21, 2024  
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*